

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ SAM MURN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 325 /QĐ-UBND

Sam Murn, ngày 24 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách học sinh bán trú các đơn vị trường học cấp Tiểu học, Trung học cơ sở, trường Phổ thông dân tộc bán trú thuộc xã Sam Murn được hưởng chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ, năm học 2025-2026 (từ tháng 09/2025 đến hết tháng 05/2026)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SAM MURN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên Ban hành Quy định phân cấp tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp thuộc tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Công văn số 2776/SGDĐT-KHTC ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc hướng dẫn quy trình, thủ tục xét, thẩm định, phê duyệt đối tượng và thực hiện chính sách đối với học sinh, sinh viên năm học 2025-2026; Công văn số 3254/SGDĐT-KHTC ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc trả lời ý kiến của các xã, phường: Mường Lạn, Mường Tùng, Mường Thanh, Na Son, Sín Thầu, Thanh An, Thanh Nưa, Tủa Chùa liên quan đến chế độ chính sách của học sinh;

Sau khi xem xét Công văn số 595/CV-TTĐHS ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Tổ thẩm định, xét duyệt hồ sơ về việc báo cáo tình hình thẩm định, xét duyệt hồ sơ trẻ em nhà trẻ bán trú, xét duyệt danh sách học sinh bán trú các đơn vị trường học thuộc xã Sam Murn được hưởng chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ, kỳ 2 năm học 2024-2025 (từ tháng 01/2025 đến hết tháng 05/2025) và năm học 2025-2026 (từ tháng 09/2025 đến hết tháng 05/2026); Công văn số 29/CV-KT ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Phòng Kinh tế xã Sam Murn về việc tham gia ý kiến vào Dự thảo các Quyết định phê

duyet danh sách trẻ em nhà trẻ bán trú, học sinh bán trú các đơn vị trường học thuộc xã Sam Mứn được hưởng chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ, kỳ 2 năm học 2024-2025 (từ tháng 01 đến hết tháng 05/2025) và năm học 2025-2026 (từ tháng 09/2025 đến hết tháng 05/2026);

Theo đề nghị của Trường Phòng Văn hoá - Xã hội xã tại Tờ trình số 59/TTr-VHXH ngày 24 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách học sinh bán trú các đơn vị trường học cấp Tiểu học, cấp Trung học cơ sở, trường Phổ thông dân tộc bán trú thuộc xã Sam Mứn được hưởng chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ, năm học 2025-2026 (từ tháng 09/2025 đến hết tháng 05/2026); cụ thể như sau:

1. Tổng số học sinh bán trú đủ điều kiện được hỗ trợ: 315 học sinh bán trú, trong đó:

- Trường Tiểu học Pom Lót: 13 học sinh bán trú.
- Trường Trung học cơ sở Pom Lót: 32 học sinh bán trú.
- Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Na U: 270 học sinh bán trú.

2. Tổng kinh phí, số gạo được hỗ trợ năm học 2025-2026 (từ tháng 09/2025 đến hết tháng 05/2026):

- Tổng số tiền được hỗ trợ: 2.799.360.000 nghìn đồng (Hai tỷ bảy trăm chín mươi chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó:

+ Tổng số tiền ăn được hỗ trợ: 2.653.560.000 nghìn đồng (Hai tỷ sáu trăm năm mươi ba triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

+ Tổng số tiền nhà ở được hỗ trợ: 145.800.000 nghìn đồng (Một trăm bốn mươi năm triệu tám trăm nghìn đồng).

- Tổng số gạo được hỗ trợ: 42.525 kg.

(có các biểu và danh sách chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Giao Hiệu trưởng các đơn vị trường học có tên tại Điều 1 thực hiện chi trả kinh phí, chế độ hỗ trợ cho học sinh bán trú đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.

- Giao Phòng Văn hóa - Xã hội xã phối hợp với Phòng Kinh tế xã kiểm tra việc thực hiện chi trả kinh phí, chế độ hỗ trợ cho học sinh bán trú của các đơn vị trường học.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã; Trưởng các phòng: Văn hóa - Xã hội, Kinh tế xã; Hiệu trưởng các đơn vị trường: Tiểu học Pom Lót, Trung học cơ sở Pom Lót, Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Na Ú; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Giáo dục và Đào tạo (B/c);
- Sở Tài chính (B/c);
- TT Đảng ủy xã (B/c);
- TT HĐND xã (B/c);
- Đảng ủy UBND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT, VHXX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Thiết Chùy

BIỂU PHÊ DUYỆT KINH PHÍ

Hỗ trợ tiền ăn, hỗ trợ tiền nhà ở, hỗ trợ gạo cho học sinh bán trú các đơn vị trường học cấp Tiểu học, Trung học cơ sở, trường Phổ thông dân tộc bán trú thuộc xã Sam Mức được hưởng chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP, ngày 12/3/2025 của Chính phủ, năm học 2025-2026 (từ tháng 09/2025 đến hết tháng 05/2026)
(Kèm theo Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Sam Mức)

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số lượng học sinh bán trú	Số tháng hỗ trợ	Tiền ăn, tiền nhà ở được hỗ trợ/năm			Tổng số gạo được hỗ trợ/năm (kg)	Ghi chú
				Tổng số tiền hỗ trợ/năm (nghìn đồng)	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm (nghìn đồng)	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/năm (nghìn đồng)		
1	Trường Trung học cơ sở Pom Lót	32	09	373.248.000	269.568.000	103.680.000	4.320	
2	Trường Tiểu học Pom Lót	13	09	151.632.000	109.512.000	42.120.000	1.755	
3	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Na Ú	270	09	2.274.480.000	2.274.480.000	0	36.450	
	Tổng:	315		2.799.360.000	2.653.560.000	145.800.000	42.525	

Sam Mức, ngày 24 tháng 10 năm 2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Phạm Thiết Chùy

UBND XÃ SAM MŨN

Biểu số 1B

DANH SÁCH PHÊ DUYỆT

Học sinh bán trú Trường Trung học cơ sở Pom Lót, xã Sam Mún được hưởng chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP, ngày 12/3/2025 của Chính phủ, năm học 2025-2026 (từ tháng 09/2025 đến hết tháng 05/2026)

(Kèm theo Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Sam Mún)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng (nghìn đồng)	Tiền nhà ở được hỗ trợ/tháng (nghìn đồng)	Số gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn, tiền nhà ở được hỗ trợ/năm (nghìn đồng)			Tổng số gạo được hỗ trợ/năm (kg)	Ghi chú
							Tổng số tiền hỗ trợ/năm	Tổng số tiền ăn hỗ trợ/năm	Tổng số tiền nhà ở hỗ trợ/năm		
1	Lô Minh Đức	15/02/2011	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
2	Quảng Thị Yến Nhi	10/10/2011	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
3	Cà Thị Hiền	05/06/2011	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
4	Nguyễn Quang Linh	25/02/2011	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
5	Nguyễn Quang Vinh	13/10/2011	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
6	Lô Minh Châu	16/08/2011	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
7	Lô Thị Tường Vy	01/06/2011	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
8	Lương Phương Thảo	15/05/2011	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
9	Nông Thành Đạt	16/09/2012	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
10	Lô Hồng Quyết	06/04/2012	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
11	Hoàng Nhi	22/07/2012	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
12	Nguyễn Bình An	12/07/2012	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
13	Lô Thủy Hà	11/08/2012	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
14	Nguyễn Hà Thảo My	30/01/2012	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
15	Phan Dương Bích Ngọc	05/07/2012	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
16	Trần Nhật Minh	02/09/2012	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
17	Quảng Văn Tuấn	02/06/2012	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
18	Lô Văn Đức Phong	10/08/2013	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
19	Lô Thị Như Quỳnh	17/12/2013	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	

